

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/DS-ST
Ngày: 11 - 10 - 2018
“V/v tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đồi.

Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2018/TLST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Chí D (Bảy Rí), sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp Định P 1, xã B, huyện L, tỉnh V.

- *Bị đơn:* Anh Trần Trung Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

(Ông D có mặt, anh Đ vắng mặt – Đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Chí D ngày 26/9/2018 thể hiện nội dung vụ án như sau: Vào ngày 15/3/2018, ông có bán cho anh Trần Trung Đ 06 cây Mai kiểng với giá 100.000.000 đồng, anh Đ đã trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng anh Đ viết giấy nợ hẹn ngày 15/4/2018 sẽ trả.

Thế nhưng ông Đ lại không thực hiện theo giấy hẹn, ông đã nhiều lần yêu cầu anh Đ trả số tiền còn nợ, anh Đ vẫn không trả mà còn có thái độ bất nhã đối với ông. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Đ phải trả số tiền cho ông là 50.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 15/3/2018 mà ông Đ đã ký.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Đ biết về yêu cầu khởi kiện của ông D nhưng anh Đ không

có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo theo quy định của pháp luật mà anh Đ cũng không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Chí D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Đ trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu gì khác.

Đối với anh Trần Trung Đ vắng mặt tại phiên tòa mà cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Ông Nguyễn Chí D là nguyên đơn đã ủy quyền cho bà Huỳnh Thị H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018 và đến ngày 08/10/2018, ông D có thông báo chấm dứt ủy quyền cho bà Huỳnh Thị H đại diện ông tham gia tố tụng tại Tòa án nên ông D là nguyên đơn trực tiếp tham gia tố tụng tại phiên tòa.

1.2. Ông Nguyễn Chí D yêu cầu anh Trần Trung Đ trả tiền do mua bán Mai kiểng còn nợ là thuộc quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

1.3. Anh Trần Trung Đ là bị đơn có địa chỉ tại ấp B, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.4. Anh Trần Trung Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Trung Đ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Ông Nguyễn Chí D tranh chấp đòi anh Trần Trung Đ trả số tiền 50.000.000 đồng do hợp đồng mua bán cây Mai kiểng còn nợ và cung cấp giấy nợ ngày 15/3/2018 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí D là có căn cứ.

2.2. Theo giấy nợ mà ông D cung cấp thể hiện nội dung anh Trần Trung Đ xác nhận còn nợ ông D 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 15/4/2018 sẽ trả, đồng thời ký tên bên mục “người mua” tên Trần Trung Đ.

2.3. Do anh Trần Trung Đ vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí D nên không đối chất được số tiền còn nợ cũng như chữ ký trong giấy nợ ngày 15/3/2018 do ông Nguyễn Chí D cung cấp có phải do anh Trần Trung Đ ký hay không.

Tuy nhiên, anh Trần Trung Đ đã nhận Thông báo thụ lý vụ án nên đã biết rõ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí D và chứng cứ ông D đã cung cấp mà

không có ý kiến gì phản đối nên xem như anh Đ thừa nhận có nợ ông D số tiền này.

2.4. Theo giấy nợ ghi ngày 15/3/2018 và nhận định trên, xác định anh Trần Trung Đ có nợ ông Nguyễn Chí D số tiền 50.000.000 đồng nên ông D yêu cầu anh Đ trả số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự nên buộc anh Đ có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 50.000.000 đồng.

[3]. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc anh Trần Trung Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 288, 430, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí D: Buộc anh Trần Trung Đ phải trả cho ông Nguyễn Chí D số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Trường hợp anh Trần Trung Đ chậm trả số tiền trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Buộc anh Trần Trung Đ phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Chí D đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002695 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Dương Thị Kim Thanh